

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày 26 - 2- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn – Giáo viên nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Giáo viên nghỉ hưu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/2/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/HSST-QĐ ngày 11/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Ngọc T**, sinh năm 2005; tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Hoàng Văn T1 và bà Luận Thị T2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B; có mặt

2. Họ và tên: **Triệu Quang H**, sinh ngày 17/8/2007, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Triệu Văn B và bà Hoàng Thị Q; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến ngày 13/11/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “*Bảo lĩnh*”, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Họ và tên: Triệu Văn L, sinh ngày 14/8/2006, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Triệu Văn T3 và bà Trần Thị D; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2024 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

Người đại diện cho bị cáo Triệu Quang H: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo H:

- Bà Thân Thị Thúy V; bà Nguyễn Hải L1 – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

- Luật sư Đặng Văn T4 - Văn phòng L4 - Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Luật sư Nguyễn Đức T5 – Văn phòng luật sư Phạm Xuân A – Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: Sô C N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có đơn xin vắng mặt

- *Bị hại:*

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Chị Tăng Thị L2, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà A, đường H, tổ dân phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

+ Anh Lương Đình K, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

+ Anh Triệu Văn T3, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

+ Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

+ Anh Triệu Văn B, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Ngọc T, sinh năm 2005; Triệu Quang H, sinh ngày 17/8/2007 và Triệu Văn L, sinh ngày 14/8/2006 quen biết nhau. Trong ngày 22/6/2024 và 26/6/2024, T và H, L đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang và 01 vụ cướp giật tài sản tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang (trong đó L tham gia 01 vụ tại thị xã V), cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 22/6/2024, trong lúc H, L ngồi chơi tại nhà T thì T rủ cả hai cùng đi cướp giật điện thoại của người đi đường, H, L đồng ý. Khoảng 15 giờ ngày 22/6/2024, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển số 12H1-239.82 (viết tắt là xe mô tô biển số 12H1-239.82) của ông Triệu Văn B, sinh năm 1979 (là bố đẻ H) chở L, T ngồi sau đến thị xã V, tỉnh Bắc Giang để cướp giật tài sản của người đi đường. Khi điều khiển xe đến khu vực cây xăng T7 thuộc phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang thì H, T bảo L xuống xe đợi, do xe mô tô chở ba người sẽ không đi nhanh được và khó bỏ chạy sau khi chiếm đoạt được tài sản. L xuống xe mô tô, đứng đợi cạnh cây xăng T7. H điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau, tiếp tục đi theo đường gom cao tốc Hà Nội- Bắc Giang hướng về cầu vượt Đ. Khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến lối rẽ vào đường Q thì H, T phát hiện chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1999, trú tại tổ dân phố M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang một mình điều khiển xe máy điện đi ngược chiều, tay cầm điện thoại để nghe điện nên H điều khiển xe quay lại, đi theo chị H1 để cướp giật điện thoại của chị H1. Khi chị H1 điều khiển xe đến khu vực gần hồ M, cách hầm chui qua đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang khoảng 100m, thuộc địa phận tổ dân phố M, Phường N, thị xã V thì H điều khiển xe từ phía sau tới, áp sát bên trái xe của chị H1, đồng thời T ngồi sau dùng tay phải giật được điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax-512G, màu vàng, lắp 01 sim, ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo của chị H1 đang cầm ở tay trái. Tiếp đó, H tăng ga, điều khiển xe mô tô bỏ chạy đến cây xăng T7 để đón L. Khi gặp L, thì T giơ điện thoại vừa cướp giật được của chị H1 cho L xem và nói “*vừa giật được con này*”. Sau đó, H điều khiển xe chở T, L ngồi sau đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1989, ở số nhà A đường H, tổ dân phố T, phường H, thành phố B để bán điện thoại cướp giật được. H, T vẫn ngồi ở xe mô tô đợi, còn L cầm điện thoại cướp giật của chị H1 đi vào trong cửa hàng bán cho anh L3 được 1.500.000 đồng, nhưng không nói cho biết là tài sản chiếm đoạt của người khác. L cầm tiền bán điện thoại cướp giật được đưa cho T cầm để chi tiêu chung. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở T, L ngồi sau đến nhà nghỉ không nhớ tên ở thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang thuê phòng để nghỉ. Toàn bộ số tiền bán điện thoại cả ba chi tiêu chung hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ cùng ngày 22/6/2024, trong lúc ở nhà nghỉ, T rủ riêng H tiếp tục đi cướp giật điện thoại của người đi đường, không nói cho L biết, thì T đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 12H1-239.82 cùng T đưa L đến quán Internet ở thị trấn K, huyện L để L tự ngồi chơi điện tử. Sau đó, H chở T đi theo đường gom cao tốc Hà Nội- Bắc Giang đến thị xã V tìm người đi đường là phụ nữ để tài sản sơ hở thì cướp giật. Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi đi đến cửa hàng X, thuộc địa phận tổ dân phố Y, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, H và T phát hiện chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 2002, trú tại tổ dân phố H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương, đang điều khiển xe đạp điện đi phía trước cùng chiều theo hướng Phường N đi phường Q, tay trái chị P cầm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax-256G, màu vàng, lắp 01 sim, vỏ ốp bằng nhựa dẻo, mở loa ngoài để nghe điện. Thấy vậy, H điều khiển xe mô tô đi từ sau đi đến, áp sát bên trái xe chị P, đồng thời T ngồi sau dùng tay phải giật được điện thoại di động nêu trên của chị P. Tiếp đó, H điều khiển xe mô tô chở T bỏ chạy về quán Internet ở thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang đón L đi thuê nhà nghỉ không nhớ tên ở thị trấn K để nghỉ và không nói cho L biết cướp giật được điện thoại di động của chị P. Sáng ngày 23/6/2024, H chở T, L đến cửa hàng mua bán điện thoại di động của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1997, ở tổ dân phố S, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. H và L đứng ngoài cửa hàng, còn T cầm điện thoại cướp giật được của chị P vào cửa hàng bán cho anh N lấy 2.500.000 đồng, khi bán không nói cho biết là tài sản chiếm đoạt của người khác. Nhận được tiền, T giữ lại và cùng H chi tiêu chung, còn L không được hưởng lợi gì từ việc bán chiếc điện thoại cướp giật của chị P.

Ngày 18/9/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V định giá, kết luận trị giá tài sản tại ngày bị chiếm đoạt, cụ thể: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax- 512G, màu vàng, lắp 01 thẻ sim, có 01 ốp lưng bằng nhựa của chị H1 có tổng trị giá 9.540.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax-256G, màu vàng, lắp 01 sim, có 01 ốp lưng bằng nhựa dẻo của chị P có tổng trị giá 9.040.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 26/12/2024, trong lúc H và T đang đi chơi cùng nhau tại thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì T rủ H đi cướp giật điện thoại của phụ nữ đi đường, H đồng ý. Huấn tháo biển số xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 12H1-239.82 cất vào cốp xe, rồi điều khiển chở T ngồi sau đến khu vực xã N, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang để cướp giật tài sản nhưng không tìm được người để chiếm đoạt tài sản. Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 26/6/2024, H điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau đi đến khu vực cổng số 01 của công viên H trên đường H, thuộc địa phận phường H, thành phố B thì phát hiện phía trước đầu xe có chị Tăng Thị L2, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, đang dừng xe máy ở mép đường, tay trái chị L2 đang cầm điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A13, màu hồng, lắp 01 sim, có ốp lưng bằng nhựa màu đen để nghe điện. H điều khiển xe mô tô đi đi đến, áp sát bên trái chị L2, đồng thời T ngồi sau dùng tay phải giật được điện thoại di động trên tay chị L2. Tiếp đó, H tăng ga điều khiển xe bỏ chạy về thị trấn K, huyện L để bán điện thoại cướp giật được. Trên đường đi, T tháo sim điện thoại và ốp lưng điện thoại của chị L2 vứt đi. H điều khiển xe chở T đến cửa hàng điện thoại “Ngân K” của anh Lương Đình K, sinh năm

1979, trú tại tổ dân phố B, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì đồ xe ở ngoài cửa. T cầm điện thoại cướp giật được của chị L2 vào trong cửa hàng bán cho anh K được 1.000.000 đồng, khi bán không nói cho biết là tài sản chiếm đoạt của người khác. Số tiền bán điện thoại cướp giật được của chị L2, thì H và T đã cùng nhau chi tiêu hết.

Ngày 27/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu giữ được của anh Lương Đình K 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Glaxy A13, màu hồng mua từ T vào ngày 26/6/2024; đồng thời thu tại camera an ninh lắp đặt tại cửa hàng H3 ghi lại việc H, T đến cửa hàng để bán điện thoại cướp giật của chị L2. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Glaxy A13 thu của anh Lương Đình K, kết quả trong điện thoại có dữ liệu hình ảnh cá nhân chị L2.

Cùng ngày 27/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra lệnh và bắt giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với H, T, đồng thời thu được của H: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, không đeo biển số, có số khung 3826GY008933, số máy LA38E0025976 và 01 biển kiểm soát 12H1-239.82. Ngày 11/9/2024, Triệu Văn L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V đầu thú.

Ngày 27/6/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B định giá và kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Glaxy A13, màu hồng, lắp 01 sim, có ốp lưng bằng nhựa của chị L2 tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng trị giá: 2.545.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 23/CT-VKS ngày 20/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Hoàng Ngọc T, Triệu Quang H, Triệu Văn L về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Ngọc T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2024.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt Triệu Quang H từ 03 năm 07 tháng đến 04 năm 01 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến ngày 13/11/2024.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Triệu Văn L từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2024.

Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại ông Triệu Văn B chiếc xe mô tô nhãn hiệu

Honda Wave, màu đen, có số khung 3826GY008933, số máy LA38E0025976 và 01 biển kiểm soát 12H1-239.82

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo Hoàng Ngọc T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Triệu Văn L, Triệu Quang H.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không trình bày lời tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H bào chữa: Bị cáo khi phạm tội là vị thành niên, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế; khi phạm tội có vai trò thứ yếu trong vụ án đã tích cực khắc phục hậu quả do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90, 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt Triệu Quang H 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Bị cáo phạm tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, đây là tội phạm rất nghiêm trọng có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù, bị cáo đã là người đã trực tiếp tham gia trong cả 03 vụ cướp giật tài sản trong vụ án, ngoài ra bị cáo còn thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản khác nhưng chưa xác định được bị hại. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát đã áp dụng. Do đó, Viện kiểm sát đưa ra mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng là phù hợp với tính chất và mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo H, T, L xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Hoàng Ngọc T; Triệu Quang H, sinh ngày 17/8/2007 và Triệu Văn L, sinh ngày 14/8/2006 quen biết nhau. Trong ngày 22/6/2024 và 26/6/2024, T đã rủ và cùng H, L sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 12H1-239.82 thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang và 01 vụ cướp giật tài sản tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang (trong đó L tham gia 01 vụ tại thị xã V), cụ thể:

Vụ thứ nhất: Buổi trưa ngày 22/6/2024, T rủ H, L đi cướp giật điện thoại của người đi đường thì cả hai đồng ý. Trên đường đi đến cây xăng T thuộc phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, để thuận tiện cho việc điều khiển xe bỏ chạy, L xuống xe đứng đợi T, H đi cướp giật điện thoại. Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 22/6/2024, tại khu vực hồ M, cách hầm chui qua đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang khoảng 100m, thuộc địa phận tổ dân phố M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, H điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau đi áp sát xe máy điện của chị Nguyễn Thị H1, để T ngồi sau dùng tay phải cướp giật được trên tay chị H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax- 512G, màu vàng, lắp 01 thẻ sim, có 01 ốp lưng bằng nhựa, có tổng trị giá 9.540.000 đồng. Sau khi cướp giật được điện thoại nêu trên cả ba đem bán cho người khác lấy tiền chi tiêu chung.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ cùng ngày 22/6/2024, T tiếp tục rủ H đi cướp giật tài sản, không cho L tham gia cùng. Khoảng 20 giờ cùng ngày 22/6/2024, tại đoạn đường ở khu vực của hàng xăng dầu Y, thuộc địa phận tổ dân phố Y, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, H điều khiển xe mô tô áp sát xe đạp điện của chị Nguyễn Thị Thu P, để T ngồi sau dùng tay phải cướp giật được trên tay chị P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax-256G, màu vàng, lắp 01 sim, có 01 ốp lưng bằng nhựa dẻo của chị P, có tổng trị giá 9.040.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 26/6/2024, T tiếp tục rủ H đi cướp giật tài sản. Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 26/6/2024, tại khu vực cổng số 01 của công viên H trên đường H, thuộc địa phận phường H, thành phố B, H điều khiển xe mô tô áp sát chị Tăng Thị L2 đang đứng ở rìa đường, để T ngồi sau dùng tay phải cướp giật được trên tay chị L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Glaxy A13, màu hồng, lắp 01 sim, có ốp lưng bằng nhựa, có tổng trị giá: 2.545.000 đồng.

Hai điện thoại cướp giật được ở vụ thứ hai và thứ ba, H, T đã bán cho người khác lấy tiền chi tiêu chung cho cả hai. Tổng trị giá tài sản cướp giật được trong ba vụ là 21.125.000 đồng, trong đó L tham gia 01 vụ có trị giá 9.540.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp giật tài sản*", như vậy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố các bị cáo về tội "*Cướp giật tài sản*" điểm d khoản 2 Điều 171, Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn không có sự phân công giữa các bị cáo: Bị cáo T giữ vai trò thứ nhất, bị cáo trực tiếp khởi xướng rủ rê các bị cáo khác phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại; bị cáo H giữ vai trò thứ hai, H trực tiếp lái xe giúp bị cáo T thực hiện hành vi cướp giật; cuối cùng là bị cáo L, bị cáo đồng ý đi cướp giật với các bị cáo H

và T đồng thời là người bán tài sản đã chiếm đoạt được và cùng thụ hưởng tài sản có được do phạm tội do đó giữ vai trò thứ ba.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

[6] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân tốt.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Ngọc T và Triệu Quang H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Hoàng Ngọc T rủ người chưa thành niên phạm tội nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Triệu Văn L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo T, H và L đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại và được các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị can Triệu Văn L đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Đầu thú*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu và quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội; các bị cáo là đối tượng lười lao động, do đó có thể thấy rằng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện khó giáo dục nên cần thiết phải cách ly bị cáo một thời gian cần thiết mới đủ để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên đối với bị cáo Hoàng Ngọc T, Triệu Quang H có nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó Hội đồng xét xử, xử phạt dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên thể hiện tính nghiêm minh và khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Triệu Văn H2 mặc dù bị cáo phạm tội ở độ tuổi vị thành niên, tuy nhiên bị cáo phạm tội với khung hình phạt rất nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần xâm phạm cùng lúc hai khách thể là quyền sở hữu tài sản và quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ do đó cần xem xét bắt bị cáo H2 chấp hành hình phạt tù, do đó đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với bị cáo Triệu Quang H, Triệu Văn L thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần căn cứ các Điều 90, 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người có ích cho xã hội

[10] Về hình phạt bổ sung: bị cáo H, L người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện khó khăn đồng thời các Bị cáo không nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1977 (là bố đẻ bị cáo T) và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1983 (là mẹ đẻ bị cáo H) đã cùng bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu P số tiền 9.000.000 đồng (trong đó mỗi gia đình bồi thường 4.500.000 đồng); Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1977 (là bố đẻ bị cáo T), bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1983 (là mẹ đẻ bị cáo H) và ông Triệu Văn T3, sinh năm 1985 (là bố đẻ bị cáo L) đã cùng bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 9.500.000 đồng (trong đó ông T1, bà Q mỗi gia đình bồi thường 3.150.000 đồng, ông T3 bồi thường 3.200.000 đồng). Hiện tại chị Tăng Thị L2, anh Lương Đình K, chị Nguyễn Thị Thu P, chị Nguyễn Thị H1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự; ông T1, bà Q, ông T3 không yêu cầu các bị cáo bồi thường do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A13 cho chị Tăng Thị L2; đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, có số khung 3826GY008933, số máy LA38E0025976 và 01 biển kiểm soát 12H1-239.82 là của Ông Triệu Văn B, ông B không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho ông B là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo H, L người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện khó khăn nên được miễn án phí là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra, T và H còn khai nhận cùng nhau thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản khác, cụ thể: Khoảng 20 giờ ngày 23/6/2024, tại đường V gần Khu công nghiệp V thuộc địa phận thôn G, xã N, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang, T và H đã cướp giật được 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của một nam thanh niên không biết là ai, đang đi bộ ở đường. Tiếp đó, khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày 23/6/2024, tại đường G- Bắc Giang, đoạn thuộc địa phận tổ dân phố H, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, T và H đã cướp giật được 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 3S của một người phụ nữ không biết là ai, đang đi bộ. Sau đó, ngày 24/6/2024 T đã bán 02 chiếc điện thoại di động trên tại cửa hàng điện thoại “Quang Triễn Store” ở tổ dân phố S, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, do anh Ngô Quang T6, sinh năm 2005 ở thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang làm chủ. Anh Triễn khai không nhớ có mua điện thoại di động nào của các bị can hay không. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm bị hại nhưng không xác định được là ai, ngoài lời khai của các bị can không có tài liệu nào khác nên không có căn cứ xử lý đối với T, H về hành vi trên.

Ông Triệu Văn B không biết H sử dụng xe mô tô để cùng các đối tượng khác thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các anh Nguyễn Văn L3, Nguyễn Văn N và Lương Đình K khi mua điện thoại do các bị cáo cướp giật được nhưng đều không biết là tài sản do các bị can phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý

Đối với chiếc điện thoại di động của chị H1, chị P, sau khi mua các anh L3, anh N đã bán cho người không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Hoàng Ngọc T 05 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2024.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Triệu Quang H 03 năm 04 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến ngày 13/11/2024.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Triệu Văn L 02 năm 03 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2024.

3. Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại ông Triệu Văn B chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, có số khung 3826GY008933, số máy LA38E0025976 và 01 biển kiểm soát 12H1-239.82

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Hoàng Ngọc T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Triệu Văn L, Triệu Quang H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND thị xã Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an thị xã Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS thị xã Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện